

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QS
TỈNH QN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QS, TỈNH QN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thuý Hằng;

2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện QS, tỉnh QN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QS, tỉnh QN tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện QS, tỉnh QN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân, gia đình thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Lộc K, sinh năm: 1980. Có mặt.

- Bị đơn: anh Huỳnh Công H, sinh năm 1978. Có mặt.

Cùng địa chỉ: tổ dân phố CT, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh QN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Lộc K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị K và anh Huỳnh Công H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐP vào năm 2009. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị thường xảy ra mâu thuẫn do anh H thích ăn chơi, gái gú, chửi bới, xúc phạm ba mẹ chị, tình cảm vợ chồng đã không còn. Vì vậy, chị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: có 02 cháu tên Huỳnh Công Ng1, sinh ngày 07/8/2010 và Huỳnh Gia Ng2, sinh ngày 20/10/2014. Chị K có nguyện vọng nuôi hai cháu mà không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – anh Huỳnh Công H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh H thống nhất với phần trình bày của chị K về thời gian và điều kiện kết hôn. Đời sống hôn nhân vợ chồng anh tuy có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, những sai lầm của bản thân, vì con cái anh H có thể sửa chữa khắc phục được, anh H không đồng ý ly hôn với chị K, mong muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: có 02 cháu tên Huỳnh Công Ng1, sinh ngày 07/8/2010 và Huỳnh Gia Ng2, sinh ngày 20/10/2014. Nếu phải ly hôn, anh H muốn nhận nuôi 02 cháu, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QS phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị K và anh H ly hôn. Giao cháu Ng1 và cháu Ng2 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Ng1 và cháu Ng2 là phù hợp với quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị K xin ly hôn với anh H cư trú tại tổ dân phố CT, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh QN và yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện QS, tỉnh QN theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị K, anh H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban

nhân dân thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh QN cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/7/2009 nên hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn chị K, anh H chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây giữa vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không chung thủy với vợ, chửi bới, xúc phạm ba mẹ chị K, tình cảm vợ chồng không còn. Anh H cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng còn tình cảm với nhau, vì các con anh hứa sẽ khắc phục những sai sót bản thân, anh xin giải quyết đoàn tụ, nhưng trong thời gian giải quyết vụ án anh H thừa nhận vẫn còn cãi vã, xúc phạm vợ, tại phiên toà, chị K cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị K, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị K và anh H có 02 cháu tên Huỳnh Công Ng1, sinh ngày 07/8/2010 và Huỳnh Gia Ng2, sinh ngày 20/10/2014. Chị K và anh H đều muốn nhận nuôi cả hai cháu, chị K, anh H đều đủ điều kiện nuôi dưỡng giáo dục hai con, nội dung bản tự khai của cháu Ng1, cháu Ng2 và tại phiên toà cháu Ng1 trình bày nguyện vọng muốn hai anh em cùng ở với mẹ, vì mẹ thường xuyên chăm sóc và bày dạy các cháu học. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Ng1 và cháu Ng2 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Ng1 và cháu Ng2 là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: chị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lộc K về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lộc K và anh Huỳnh Công H.

2. Về con chung: giao 02 cháu tên Huỳnh Công Ng1, sinh ngày 07/8/2010 và Huỳnh Gia Ng2, sinh ngày 20/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Lộc K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Nguyễn Thị Lộc K phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị K đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004980 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QS, tỉnh QN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/9/2023).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh QN
- VKSND huyện QS;
- Chi cục THADS huyện QS;
- UBND thị trấn ĐP;
- (GCNKH số 43 ngày 17/7/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ